

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 43/2017/HSST

Ngày: 26/10/2017

Thụ lý số: 48/2017HSST

Ngày 05/10/2017

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Bà Phùng Thị Hương Giang*

- *Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà: Nguyễn Thị Thương

2. Bà: Thái Thị Thanh Thúy

Th ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền Thương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Thái - kiểm sát viên.

Ngày 26/10/2017 tại Trụ sở toà án nhân dân thị xã T, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 48/2017/HSST ngày 05/10/2017 và theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/HSST-QĐ ngày 16/10/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Anh T**; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 15/3/1985 Tại huyện N, tỉnh Nghệ An; Giới tính: Nam; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông: Trần Biên C (đã chết) và con bà Phạm Thị L, sinh năm 1960; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Anh chị em ruột: Có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ, con: Chưa; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 28/9/2009 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 18 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Chấp hành xong hình phạt ngày 30/8/2010; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/8/2017 cho đến nay - có mặt tại phiên toà.

Người bị hại:

1. Anh Lê Văn L, sinh năm 1982

Trú tại: Đội 2, xóm C, xã N huyện N, tỉnh Nghệ An (có mặt).

2. Anh Trần Văn L, sinh năm 1966

Trú tại: Khối L, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt không có lý do).

3. Anh Võ Đại T, sinh năm 1986

Trú tại: Xóm 12, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (vắng mặt không có lý do).

4. Bà Trần Thị V, sinh năm 1967

Trú tại: Xóm Đ, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An (vắng mặt không có lý do).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Trọng T, sinh năm 1982

Trú tại: Khôi T, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt không có lý do).

2. Chị Trần Thị N, sinh năm 1977

Trú tại: Xóm A, xã T, thị xã T, tỉnh Nghệ An (có mặt).

3. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1980

Trú tại: Xóm Đ, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ an (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án đọc tóm tắt nh sau:

Trong thời gian từ ngày 24/7/2017 đến ngày 30/7/2017, Trần Văn T đã 04 (bốn) lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn thị xã T và huyện N, tỉnh Nghệ An cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất: Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 24/7/2017, Trần Anh T một mình đi bộ từ nhà ở của mình đến khu vực thuộc khối D, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An thì Trần Anh T nhìn thấy có một chiếc xe máy nhãn hiệu Bosymax màu đỏ đen, biển kiểm soát 37B1-302.63 của anh Lê Văn L dựng ở bên đường, có sẵn chìa khóa đang cắm ở ổ khóa. Quan sát xung quanh không có người nên Trần Anh T đi lại gần chiếc xe máy rồi mở khóa điện, sau đó nổ máy và điều khiển xe nói trên đi ra khu vực đường quốc lộ 48 thuộc địa phận phường Q, thị xã T thì gặp một người đàn ông đang thu mua sắt vụn (T không biết tên, tuổi và địa chỉ người đàn ông này). Trần Anh T đã bán chiếc xe máy nói trên cho người đàn ông này với giá 400.000VNĐ (bốn trăm nghìn đồng).

Vụ thứ hai: Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 27/7/2017, Trần Anh T đang đi trên đường về nhà, khi đi qua khu vực khối D, phường Q, thị xã T, T phát hiện thấy có một chiếc xe máy nhãn hiệu Team màu xanh, biển kiểm soát 37X2-0052 của anh Trần Văn L đang dựng ở bên đường, chìa khóa đang cắm ở ổ khóa. T quan sát xung quanh thấy có một số người đang làm cỏ ở dưới ruộng nên đã lén lút tiến lại gần chiếc xe máy rồi mở khóa điện và nổ máy điều khiển xe đi đến nhà anh Lê Trọng T để bán chiếc xe này cho anh T với giá 750.000VNĐ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Vụ thứ ba: Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 29/7/2017, T một mình đón xe buýt lên nhà người thân tại xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An để chơi. Khi lên đến nơi thì trong nhà không có ai nên T đi bộ ra đường quốc lộ 48 để về thị xã T. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, khi T đi đến khu vực xóm 15, xã N, huyện N thì phát hiện thấy một chiếc xe máy nhãn hiệu Sym Angel màu đỏ, đen, biển kiểm soát 37X2-3501 của anh Võ Đại T đang dựng bên đường, chìa khóa đang cắm ở ổ khóa. Quan sát xung quanh không thấy ai nên T tiến lại gần mở khóa điện rồi nổ máy và

điều khiển chiếc xe máy nói trên đi về thị xã T. Khi T đi đến khu vực khối D, phường Q, thị xã T thì gặp chị Trần Thị N đang thu mua sắt vụn. T đã thỏa thuận bán chiếc xe máy nói trên cho chị N với giá 540.000VNĐ (năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

Vụ thứ tư: Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 30/7/2017, T một mình đi bộ trên đường quốc lộ 48. Khi đi đến khu vực thuộc khối T, phường Q, thị xã T thì phát hiện một chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu đen, bạc biển kiểm soát 37B2-220.25 của chị Trần Thị V dựng ở bên đường, chìa khóa đang cắm ở ổ khóa. Quan sát xung quanh không thấy ai nên T đã lén lút tiến lại gần rồi mở khóa điện và nổ máy, điều khiển xe đi theo hướng huyện Q, tỉnh Nghệ An. Khi T đi qua khu vực nhà máy đường thuộc huyện Q được khoảng 1km thì nhìa thấy có một tiện cầm đồ nằm ở bên đường nên T đã vào để cầm chiếc xe nói trên cho anh Nguyễn Văn L với số tiền 3.150.000VNĐ (ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Theo kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 14/KLĐG ngày 04/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản UBND thị xã T xác định trị giá tài sản mà T đã chiếm đoạt của người bị hại như sau:

- 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Bosymax màu đỏ đen, biển kiểm soát 37B1-302.63, máy đã qua sử dụng, có trị giá là 2.500.000VNĐ (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Team màu xanh, biển kiểm soát 37X2-0052, xe đã qua sử dụng có trị giá là 2.500.000VNĐ (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Sym Angel màu đỏ, đen, biển kiểm soát 37X2-3501, đã qua sử dụng có trị giá là 3.000.000VNĐ (ba triệu đồng).

- 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu đen, bạc biển kiểm soát 37B2-220.25, đã qua sử dụng có trị giá là 7.000.000VNĐ (bảy triệu đồng).

Tổng trị giá tài sản mà bị cáo T trộm cắp là 15.000.000VNĐ (mười lăm triệu đồng).

Bản cáo trạng số 49/VKS-HS ngày 04/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Nghệ An đã truy tố bị cáo Nguyễn Anh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Nghệ An giữ quyền công tố luận tội và đề nghị: Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Anh T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1 điều 138; điểm p khoản 1 điều 46; điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T từ 18 đến 24 tháng tù. Vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra Công an thị xã T đã trả lại tài sản cho người bị hại gồm anh Trần Văn L, anh Võ Đại T, chị Trần Thị V, nên đề nghị không xem xét. Còn người bị hại anh Lê Văn L do tài sản không truy tìm lại được. Trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Trần Văn L, anh Võ Đại T, chị Trần Thị V đã nhận lại tài sản đầy đủ và không có yêu cầu gì nên đề nghị không xem xét. Áp dụng điều 42 Bộ

luật hình sự; điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; các điều 584; 585; 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại anh Lê Văn L theo quy định của pháp luật. Biện pháp tư pháp: Đề nghị truy thu của bị cáo tổng số tiền do bị cáo đã bán tài sản do trộm cắp mà có cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nói trên là 4.440.000VNĐ (bốn triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã T; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bị cáo và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Anh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ như đơn đơn trình báo và lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản..., được xem xét và thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy có đủ cơ sở để khẳng định: Trong khoảng thời gian từ ngày 24/7/2017 đến ngày 30/7/2017 lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu tài sản, bị cáo đã liên tiếp thực hiện 04 (bốn) vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thị xã T và huyện N, tỉnh Nghệ An với tổng giá trị tài sản là 15.000.000VNĐ (mười lăm triệu đồng). Mục đích trộm cắp tài sản của bị cáo là để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Với hành vi trên bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 138 của Bộ luật hình sự. Vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T đã truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác đ- ược pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn, gây bất bình lo sợ trong quần chúng nhân dân. Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng một mức hình phạt phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội mà mình gây ra. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

đổi bị cáo. Theo hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay thấy rằng bị cáo có nhân thân xấu: Vào ngày 28/9/2009 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An xử phạt 18 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Chấp hành xong hình phạt ngày 30/8/2010 và đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng và rèn luyện bản thân mà vẫn tiếp tục vi phạm pháp luật và thực hiện hành vi trộm cắp nhiều lần và đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự.

Xét thấy bị cáo có nhân thân xấu, phạm tội nhiều lần do đó việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết.

[3] Hình phạt bổ sung: Theo biên bản xác minh nguồn thu nhập của bị cáo thấy rằng, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập thấp, nên áp dụng khoản 5 Điều 138 miễn hình phạt tiền cho bị cáo.

[4] Về vật chứng của vụ án:

- Tạm giữ 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Team màu xanh, biển kiểm soát 37X2-0052.

- Tạm giữ 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Sym Angel màu đỏ, đen, biển kiểm soát 37X2-3501.

- Tạm giữ 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu đen bạc, biển kiểm soát 37B2-220-25.

Quá trình điều tra xác định những chiếc xe trên là tài sản do bị cáo trộm cắp của những người bị hại là anh Trần Văn L, anh Võ Đại T và chị Trần Thị V, nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã làm thủ tục trả lại cho những người bị hại là đúng quy định của pháp luật.

Đối với 01 chiếc xe Bosymax màu đỏ đen, biển kiểm soát 37B1-302.63 của người bị hại anh Lê Văn L do bị cáo trộm cắp và đem bán cho một người đàn ông thu mua sắt vụn (bị cáo không biết tên, tuổi và địa chỉ của người đàn ông này), vì vậy, không thể thu hồi được chiếc xe trên và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã ra thông báo truy tìm vật chứng và đến nay việc truy tìm vật chứng không có kết quả.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa hôm nay người bị hại anh Trần Văn L, anh Võ Đại T, chị Trần Thị V vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào lời khai trong quá trình điều tra thấy rằng những người bị hại nói trên sau khi tài sản do bị cáo trộm cắp, đến nay Công an thị xã T đã điều tra và thu hồi trả lại đầy đủ, nên không có yêu cầu gì đối với bị cáo. Vì vậy hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người bị hại anh Lê Văn L tại phiên tòa trình bày: Hiện nay chiếc xe máy của anh do bị cáo trộm cắp và không thu hồi lại được nên anh yêu cầu bị cáo phải bồi thường trị giá chiếc xe cho anh. Xét yêu cầu của người bị hại anh L là có

cơ sở nên buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại trị giá chiếc xe theo kết luận định giá tài sản trong vụ án.

Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lê Trọng T là người đã mua của bị cáo 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Team màu xanh, biển kiểm soát 37X2-0052 do bị cáo trộm cắp của anh Trần Văn L với giá 750.000VNĐ; Chị Trần Thị N là người đã mua của bị cáo 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Sym Angel màu đỏ, đen, biển kiểm soát 37X2-3501 do bị cáo trộm cắp của anh Võ Đại T với giá 540.000VNĐ; Anh Nguyễn Văn L là người mua của bị cáo 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu đen bạc, biển kiểm soát 37B2-220-25 do bị cáo trộm cắp của chị Trần Thị V với giá 3.150.000VNĐ. Quá trình điều tra xác định những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khi mua tài sản của bị cáo bán do không biết là tài sản do trộm cắp mà có nên những người liên quan anh Lê Trọng T, chị Trần Thị N, anh Nguyễn Văn L không phạm tội.

Biện pháp tư pháp: Tài sản do bị cáo trộm cắp bắt buộc phải đăng ký quyền sở hữu, nên việc mua bán giữa bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không hợp pháp. Do đó cần truy thu số tiền này của bị cáo để sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trần Anh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 điều 138; điểm p khoản 1 điều 46; điểm g khoản 1 điều 48 của Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội:

Xử phạt bị cáo Trần Anh T **18 (mười tám)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/8/2017.

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng: điều 42 Bộ luật hình sự; điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; các điều 584; 585; 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại anh Lê Văn L số tiền 2.500.000VNĐ (hai triệu, năm trăm nghìn đồng).

Về biện pháp tư pháp: Truy thu của bị cáo số tiền do phạm tội mà có tổng số tiền 4.440.000VNĐ (bốn triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 của BLTTHS và Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án bị cáo T phải chịu 200.000VNĐ án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án đọc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người CQLNVLQ
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND Thị xã T;
- Công an Thị xã T;
- Thi hành án Dân sự thị xã T;
- Lu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phùng Thị Hương Giang